**Bt văn T3 tuần sau**

[…] phần trong ngoặc là của ng tt, ko phải của ppt

**I, Về “ Quốc âm thi tập”**

1. *Giới thiệu chung*

* Sau vụ án Lệ Chi Viên, thơ văn Nguyễn Trãi bị huỷ, không có ai dám tàng trữ. Đời Lê Thánh Tông lệnh cho sưu tầm, nhưng phải đến năm 1868, nhà nghiên cứu Dương Bá Cung mới sưu tầm và lưu giữ thành công .“Quốc âm thi tập” là một trong những thành quả của lần tìm kiếm này.
* “ Quốc âm thi tập” sáng tác có thể ở thời kìa đầu nhà Hậu Lê.
* Được coi là tập thơ Nôm cổ nhất, phong phú nhất của Việt Nam còn lại đến nay .Theo GS. Nguyễn Phong Nam, Quốc âm thi tập ***là* *“sự khởi đầu hoành tráng nhất, ấn tượng nhất”*** của thơ Nôm Việt Nam
* Quốc âm thi tập có 254 bài thơ đc chia thành các phần:

+ Vô đề (188 bài)

+ Môn thì lệnh (thời tiết) ( 21 bài)

+ Môn hoa mộc (cỏ cây) ( 34 bài)

+Môn cầm thú (thú vật) (7 bài)

[Trong đó phần quan trọng và trọng tâm nhất là phần vô đề]

1. *Giá trị nội dung*

[ So với thơ chữ Hán, tập thơ Nôm đại thành của Nguyễn Trãi có khả năng thể hiện sâu sắc tâm hồn dân tộc, cảm quan về thiên nhiên, quê hương, đất nước. Nhờ sử dụng ngôn ngữ dân tộc, Nguyễn Trãi có thể bộc lộ các cung bậc tình cảm, các sắc thái trữ tình, thế giới nội tâm và mọi nỗi ưu phiền một cách tự do, linh động. Quốc âm thi tập là thơ của người ẩn, cảnh sắc là cảnh sắc ở ẩn. Thơ thiên nhiên của Nguyên Trãi hợp với thú an nhàn, làm dịu bớt nỗi đau, trở nên nhẹ nhàng, thanh thoát:]

* Thơ thiên nhiên:

“Chụm tự nhiên một thảo am,

Dầu lòng đi Bắc liễn (miễn) về nam.

Rừng thiền định, hùm nằm trực,

Trái thì trai, vượn nhọc đem.

Núi láng giềng, chim bậu bạn,

Mây khách khứa, nguyệt anh tam.

Tào Khê rửa ngàn tầm suối,

Sạch chẳng còn một chút phàm.”

(Thuật hứng 19)

“Ở chớ nề hay học cổ nhân,

Lánh mình cho khỏi áng phong trần.

Chim kêu cá lội yên đòi phận,

Câu quạnh cày nhàn dưỡng mỗ thân.”

(Mạn thuật bài 7: Áng thuỷ vân)

* Tình yêu con người, cuộc sống, tự răn mình, khuyên bảo con cháu:

[ Cùng với tình yêu thiên nhiên, tập thơ còn bộc lộ tình yêu con người, cuộc sống, tự răn mình, khuyên bảo con cháu trong nhà giữ vững đạo đức, nhân phẩm, theo đúng lời dạy của thánh hiền:]

“Ngỏ cửa nho chờ khách đến,  
Trồng cây đức để con ăn.  
Ðược thua phú quý dầu thiên mệnh,  
Chen mọc làm chi cho nhọc nhằn.”

(Mạn Thuật bài 5; Được thua)

“Làm người thì giữ đạo trung dung,  
Khăn khắn dặn dò thửa lòng.”

( Vô đề)

* Tình yêu dân, yêu nước

[ Bên cạnh đó, cuộn chảy suốt Quốc âm thi tập là nỗi lòng ưu dân ái quốc, là dâng dậy tấm lòng của một con người luôn canh cánh nỗi tiên ưu với niềm khắc khoải chưa thấu thỏa, là vằng vặc vầng sáng của ý chí, của khát vọng hiến dâng mình cho đại sự nước nhà:]

"Ðã mấy thu nay để lệ nhà,

Duyên nào đeo đẳng khó chăng tha.

Một thân lẩn quất đường khoa mục,

Hai chữ mơ màng việc quốc gia.

Tài liệt lạt nhiều nên kém bạn,

Người mòn mỏi hết phúc còn ta.

Quân thân chưa báo lòng canh cánh,

Tình phụ cơm trời áo cha.”

(Ngôn chí 7)

“Bui có một niềm chăng nỡ trễ,

Ðạo làm con liễn đạo làm tôi.”

(Ngôn chí 1)

“Thân đà hết luỵ thân nên nhẹ,

Bụt ấy là lòng bụt há cầu.

Bui một quân thân ơn cực nặng,

Tơ hào chưa báo hãy còn âu.”

(Mạn thuật 8: ơn quân thân)

* Thú thanh nhàn

[ Tập thơ còn hướng đến việc ca tụng thú thanh nhàn, tự hào mình đã “đổi công danh lấy một cần câu”: ]

"Sang cùng khó bởi chưng trời,

Lặn mọc làm chi cho nhọc hơi.”

(Ngôn chí 9: Sang cùng khổ)

“Ngẫm ngợi sơn lâm lẫn thị triều,

Nào đâu là chẳng đất Ðường Nghiêu.

Người tham phú quý người hằng trọng,

Ta được thanh nhàn ta xá yêu.

Nô bộc ắt còn hai rặng quít,

Thất gia chẳng quản một con lều.

Miễn là tiêu sái qua ngày tháng,

Lộc được bao nhiêu ăn bấy nhiêu.”

(Mạn thuật 2: tiêu sái)

*3. Giá trị nghệ thuật*

* Thể thơ trong “Quốc âm thi tập” rất đặc biệt. Có bài thất ngôn bát cú, có bài thất ngôn tứ tuyệt; nhiều bài giữa những câu 7 tiếng, xen 1 – 2 câu 6 tiếng.

“Rồihóng mát thuở ngày trường,  
Hoè lụcđùn đùn tán rợp giương.  
Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ,  
Hồng liên trì đã tiễn mùi hương.  
Lao xao chợ cá làng ngư phủ,  
Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương.  
Lẽ có Ngu cầm đàn một tiếng,  
Dân giàu đủ khắp đòi phương.”

( Bảo kính cảnh giới, bài 43)

Có khi sử dụng thể thơ 6 chữ kết hợp 7 chữ:

“Góc thành Nam, lều một gian,  
No nước uống, thiếu cơm ăn.  
Con đòi trốn, dường ai quyến,  
Bà ngựa gầy, thiếu kẻ chăn.  
Ao bởi hẹp hòi khôn thả cá,  
Nhà quen thú thứa ngại nuôi vằn.  
Triều quan chẳng phải, ẩn chẳng phải,  
Góc thành Nam, lều một gian.”

( Thủ vĩ ngâm)

[=> thể hiện sự thử nghiệm, tìm tòi của NT trong việc sáng tác thơ Nôm của mk. Rõ rang, Nt đã có ý thức, mong muốn tìm ra thể thơ ms cho dân tộc, giải tỏa những gò bó của thể thơ ngoại lai TQ]

[Đặc điểm nổi bật nhất và cũng là thành công lớn nhất về nghệ thuật của tập thơ là đã sử dụng thành công ngôn ngữ tiếng Việt, chữ Nôm. Từ ngữ trong Quốc âm thi tập được tiếp thu từ những thành tựu vãn Nôm đời Trần, cải biên từ ngữ liệu Trung Quốc, song chủ yếu là chuốt lọc và phát triển từ tiếng nói của nhân dân. Trong tập thơ này, từ thuần Việt chiếm ưu thế hơn so với từ Hán – Việt, phát huy cao độ những yếu tố dân tộc về mặt hình thức => góp phần thúc đẩy ngôn ngữ văn học viết bằng tiếng Việt phát triển. Có thể xem đây là biểu hiện nỗ lực của Nguyễn Trãi trong hành trình đi tìm một lối thơ dân tộc.]

* Sử dụng khẩu ngữ

[ Mặc dù sử dụng khẩu ngữ nhưng ta ko thấy khô khan. NT đã vận dụng linh hoạt khẩu ngữ, tạo nên những sáng tạo độc đáo

* Lời thơ trở nên dung dị, uyển chuyển, trong sáng, gần gũi với nếp cảm nếp nghĩ của người dân, góp phần biểu hiện sâu sắc tâm hồn Ức Trai- tâm hồn dân tộc rộng lớn]

+ Chủ yếu là từ để hỏi:

“ Được thua phú quý giàu thiên mệnh,

Chen chúc làm chi cho nhọc nhằn”

( Mạn thuật, bài 5)

“ Sang cùng khó bởi chưng trời

Lặn mọc làm chi cho nhọc hơi”

( Ngôn chí, bài 9)

+ Có khi là những từ nhân xưng:

“ Ít nhiều tiêu sái lòng ngoài thế,

Năng một ông này đẹp thú này”

( Ngôn chí, bài 10)

“Dầu bụt dầu tiên ai kẻ hỏi,  
Ông này đã có thú ông này”

( Mạn thuật, bài 6)

+ Có khi là những phó từ gây khiến, tác động đến đối tượng:

“ Nhớ cậy sang mà ép nề,

Lời chẳng phải vuỗn không nghe”

( Trần tình, bài 8 )

* Rút ý từ những thành ngữ, tục ngữ, ca dao:

+ “ Khôn cho người ta dạy, dại cho người ta thương,

Dở dở ương ương chỉ tổ cho người ta ghét”

( Tục ngữ )

“ Chẳng khôn chẳng dại, luống ương ương,

Chẳng dại người hòa lại chẳng thương…”

( Bảo kính cảnh giới, bài 30)

+ “ Thật vàng chẳng phải thau đâu

Đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng”

( Ca dao)

“Ngọc lành nào có tơ vết,  
Vàng thực âu chi lửa thiêu.”

( Tự thuật, bài 5)

+ “ Tu nhân tích đức” ( Thành ngữ)

“ Tích đức cho con hơn cho tích của”

( Tự thán, bài 41)

“ Hãy năng tích đức để cho con”

( Bảo kính cảnh giới, bài 22)

“ Trồng cây đức để con ăn”

( Mạn thuật, bài 5)

[ = việc sử dụng sáng tạo vốn ngôn ngữ phong phú của văn học dân gian, ta thấy Nt hiểu ngôn ngữ dân tộc như thế nào. Ngày nay, việc sdung thành ngữ, tục ngữ, ca dao ko phải 1 hiện tượng lạ, nhưng với NT- vốn là 1 nhà nho thành đạt qua con đường Hán học, chịu ảnh hưởng sâu sắc của Hán học mà lm đc điều đó quả thực đáng ghi nhận ]

* Gieo vần

[ Song song với việc phá cách thể thơ, Nguyễn Trãi có những cách tản độc đáo trong việc gieo vần. Như đã biết vần được xem là một trong những đặc trưng nghệ thuật rất quan trọng. Vần giúp cho các phần trong câu, các câu trong bài gắn kết với nhau, làm cho tổ chức tác phẩm thêm vững chắc, dễ nhớ, dễ thuộc. Vần còn là yếu tố tạo nên tính nhạc trong thơ. Đọc QAATT chúng ta nhận thấy có sự ảnh hưởng qua lại từ VHDG về mặt vần trg những câu thơ 6 chữ và 7 chữ]

+ Vần lưng sát:

[ Tục ngữ có cách bắt vần chữ cuối nhịp đầu bắt vần với chữ đầu nhịp sau. Đây đc coi là cách bắt vần theo kiểu vần liền( vần lưng sát) thơ QÂ của NT có rất nh bài có kiểu bắt vần theo kiểu vần liền.]

Của thết người là của còn

Khó khăn phải đạo cháo càng ngon

Làm quan đã dại, tài chưa đủ

Về ở thanh nhàn, hạn đã hồng

( Thuật hứng,16)

Chí cũ ta liều, nhiều sự hoà

Người xưa sử chép thấy ai còn

( Thuật hứng,4)

[ Đó là câu thơ 7 chữ. Những câu thơ 6 chữ cũng đc phối hợp nhịp nhàng theo kiểu vần liền. ]

“ Thục Đế, để thành leo lét”.

( Điệp trản)

+ Vần lưng cách:

[ Ngoài cách bắt vần theo kiểu vần lưng sát, QÂTT cũng có rất nhiều bài bắt vần theo kiểu lưng cách. Câu thơ 6 chữ và 7 chữ đều có cách bắt vần như vậy. Đây là cách bắt vần chữ cuối nhịp đầu bắt vần với chữ cuối nhịp sau ]

“ Đìa cỏ, đc câu ngâm gió”

( Mạn thuật,1)

“Chứa thủa khô khao có thủa đào”

( Thuật hứng,21)

[Điều dặc biệt khi so sánh vần trg câu thơ thất ngôn hay lục ngôn của NT vs câu thơ lục bát và song thất lục bát, ta thấy ở QATT tác giả đã sd rất nhiều vần lưng ở những vị trí khác nhau. Vần đc gieo vào hầu hết các chữ của câu dưới từ chữ thứ 2 đến chữ thứ 6; chữ thứ 2, thứ 3 là ít; chữ thứ 6 nhiều hơn một chút. Chiếm ưu thế hơn vẫn là trường hợp vần đc gieo ở chữ thứ 4 và chữ thứ 5. Có nghĩa là vần ở cuối câu thơ trên hợp vs vần ở chữ thứ tư hoặc chữ thứ 5 trg 2 câu thơ dưới:]

“Lận đận nhà giàu no bữa **cốm**

Bạn bè kẻ **trộm** phải đau đòn”

[ Trường hợp vần lưng gieo ở chữ thứ 5:]

‘’Ai hay đều có hai con **mắt**

Xanh ngọc dầu chủng **mặt** chúng người’’

( Tự thuật,19)

[ Cách gieo vần đã thể hiện mạnh mẽ xu hướng phá cách trg sáng tác đường luật nôm của NT. Dường như vs NT, xu hướng dân tộc hoá trc hết biểu hiện ở chỗ tìm cho mình một cái riêng, cố gắng khác nước ngoài mà cuộc vận động tạo vần lưng là một đặc sắc. ]

* Nhịp điệu

[ Cùng vs vần thì nhịp điệu là một trg những yếu tố thứ nhất tạo nên thơ, tạo nên âm vang, điều tiết cảm nhận của người đọc và tạo nghĩa. Dưới ngòi bút của NT ông đã có những kiến tạo độc đáo trg nhịp điệu thơ của mik. Câu lục ngôn trg thơ nôm của NT có rất nhiều cách ngắt nhịp]

+ Nhịp 3/3

Bẻ cài trúc/hòng phân suối

Quét con am/để chứa mây

+ Nhịp 1/2/3

Nẻo/xưa nay/cũng một đường

Đây/ xoé xoé/ nẻo tam cương

( Tự thán,23)

+ Nhịp 2/2/2

Thân nhàn/dầu tới/dầu lui

( Ngôn chí,12)

[ Sự đa dạng trg nhịp điệu của câu thơ kục ngôn cũng tác động rất lớn, làm thay đổi nhịp trg câu thơ thất ngôn trg thơ nôm NT ko còn giữ nguyên vẹn nhịp 4/3 mà cs sự chuyển biến rõ rệt.

Đọc QATT ta thấy hiện tượng 2 câu 7 chữ đi liền nhau theo kiểu ngắt nhịp của câu thơ song thất lục bát là khá phổ biến]

Miệng thế nhọn/hơn chông mác nhọn

Lòng người quanh/nửa nc non quanh.

( Bảo kính cảnh giới,29)

Thơ đài tục/hiền câu đài tục

Chủ vô tâm/ý khách vô tâm

( Ngôn chí,4)

[ Trg vc ý thức xây dựng ngôn ngữ dân tộc, NT cũng chú ý đến nhịp điệu, điều này thể hiện sự quan tâm tỉ mỉ của NT đến những bước đi đầu tiên của nền VH nc ta.

=>Trên cơ sở tiếp thu những tinh hoa truyền thống của dân tộc và những thành tựu đặc sắc của Trung Hoa, NT đã phá vỡ những quy định nghiêm ngặt của thơ đường luật, lm cho câu thơ bài thơ trở nên gần gữi, dễ nhớ, dễ thuộc.

Đúng là những câu thơ Nôm của Nguyễn Trãi có khi trần trụi, sần sùi như quặng quý còn vùi trong đất cát, có khi long lanh như ngọc bích đã qua tay người thợ kim hoàn chế tác.

Tập thơ "Quốc âm thi tập" không chỉ cho ta thấy tài năng nghệ thuật, tình yêu thiên nhiên và tâm hồn cao đẹp của thi nhân - kẻ sĩ Nguyễn Trãi đồng thời nó cũng cho thấy cái tâm và cái tầm của một danh nhân văn hoá thế giới, đã có những đóng góp quan trọng về nội dung, tư tưởng và phát triển thơ ca quốc ngữ.

Với Quốc âm thi tập, Nguyễn Trãi đã tạo nên một lối thơ vừa sâu sắc trí tuệ, vừa đậm đà bản sắc dân tộc chứa đựng những giá trị to lớn về nội dung. “Quốc âm thi tập” là tập thơ tiêu biểu trong sự nghiệp thơ ca của Nguyễn Trãi. Và từ "Quốc âm thi tập", Nguyễn Trãi đã tự khẳng định mình và phát huy tiếng nói của dân tộc, như học giả Lê Trí Viễn từng nhận xét: "Nguyễn Trãi là bông hoa đầu mùa tuyệt đẹp của thơ nôm Việt Nam” và cả danh nhân văn hóa Phạm Văn Đồng cũng nhìn nhận văn chương Nguyễn Trãi "đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật, đều hay và đẹp lạ thường". Thấy được giá trị và vai trò to lớn của tập thơ "Quốc âm thi tập" đối với nền văn học dân tộc do đó chúng em - những hậu bối được thừa hưởng nét đẹp tinh hoa này mong muốn giới thiệu các bài thơ Nôm của thi nhân Nguyễn Trãi đến mọi người nhằm truyền tải và lưu giữ phần hồn đẹp đẽ trong thơ cũng như là phát huy giá trị truyền thống của dân tộc. ]

**II, Tác phẩm “ Gương báu khuyên răn”**

1. *Xuất xứ*

- Là bài thứ 43 thuộc phần “Bảo kính cảnh giới” (gương báu răn mình), ở phần vô đề của tập thơ “Quốc âm thi tập”.

- Bài thơ được sáng tác khoảng những năm 1438 – 1439 khi tác giả về ở ẩn tại Côn Sơn.

1. *Bố cục*

- Phần 1 (6 câu thơ đầu): bức tranh thiên nhiên ngày hè.

- Phần 2 (2 câu thơ cuối): tấm lòng của Nguyễn Trãi.

1. *Giá trị nội dung*

-Tái hiện một bức tranh cảnh ngày hè tràn đầy sức sống, sinh động vừa giản dị, dân dã đời thường vừa tinh tế, gợi cảm.

- Cho thấy tình yêu thiên nhiên, yêu đời, yêu cuộc sống tha thiết của tác giả

- Thể hiện khát vọng về một đất nước phồn vinh, về cuộc sống ấm no cho người dân và những trăn trở nhân tình thế thái của Nguyễn Trãi

1. *Giá trị nghệ thuật*

- Thể thơ thất ngôn xen lẫn lục ngôn đầy mới mẻ so với thể thất ngôn trong thơ Đường luật==>Nguyễn Trãi đã tiếp thu thơ Đường và xây dựng "một lối thơ Việt Nam"( Đặng Thai Mai)

- Cách ngắt nhịp ấn tượng, linh hoạt

- Ngôn ngữ thơ giản dị mà tinh tế, giàu sức gợi cảm, đặc biệt sử dụng nhiều từ Việt cổ khiến thơ càng thêm gần gũi.